

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 195/2026/HS-PT
Ngày: 17/6/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hoài Sơn**

Các Thẩm phán: Bà **Võ Thị Minh Phượng**

Ông Phan Vĩnh Chuyên

- *Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Chiên** - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*
Ông Phan Ngọc Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2026/TLPT-HS ngày 23/3/2026 đối với bị cáo **Huỳnh Phan Thị Thiên H** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2026/HS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo: **Huỳnh Phan Thị Thiên H** (tên gọi khác: không). Sinh ngày: 02/11/1962 tại tỉnh Quảng Nam (cũ). Giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty CP T3 và sách N.B.S. Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: **Số B H, phường H, thành phố Đà Nẵng**. CCCD số: 048162003174 cấp ngày 27/8/2021, nơi cấp: **Cục C** về TTXH, **Bộ C1**. Trình độ văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Cha: **Huỳnh Hữu Á** (chết), mẹ: **Phan Thị Á1** (chết). Chồng: **Vũ Văn L** (sinh năm: 1960, đã ly hôn). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và **T** hoãn xuất cảnh từ ngày 12/8/2024. Hiện có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cơ quan CSĐT **Công an Q1, TP .**, điều tra vụ án “Mua bán trái phép hóa đơn” xảy ra tại **phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** do bị can **Vũ Hải Đông D** (sinh

năm: 1991; trú: 38 đường D, KP. Thống Nhất, TP., tỉnh Bình Dương) và đồng phạm thực hiện. D thành lập 02 công ty “ma” là Công ty TNHH H1 (viết tắt là Công ty H1; MST: 0317162088) và Công ty TNHH Q2 (viết tắt là Công ty Q2; MST: 0317229430), bán hóa đơn khống cho nhiều công ty khác. Trong đó, có Công ty Cổ phần T3 và sách N.B.S. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an Q1 đã chuyển thông tin cho Cơ quan CSĐT Công an quận H điều tra theo thẩm quyền.

Tính pháp lý của Công ty Cổ phần T3 (viết tắt là Công ty T3):

- Công ty T3 đăng ký lần đầu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần S do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đ cấp ngày 11/5/2006. Ngành nghề đăng ký kinh doanh: Kinh doanh các loại sách báo, sách giáo khoa, mỹ phẩm, hàng tạp hóa, đồ dùng gia đình, thiết bị trường học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, sản phẩm nhựa...; địa chỉ trụ sở chính: Tầng trệt A N, Q. H, TP.; có 03 cổ đông gồm: bà Huỳnh Phan Thị Thiên H, vợ chồng ông Mai Thanh X và bà Trương Thị M. Do bà H làm Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật.

- Năm 2010, thay đổi lần 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần S1 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đ cấp ngày 01/3/2010; ngành nghề kinh doanh như trên; địa chỉ trụ sở chính: B N, Q. H, TP.; gồm 03 cổ đông như trên. Người đại diện theo pháp luật vẫn là bà H - Giám đốc.

Từ khi thành lập cho đến nay, H là người quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh, kê khai, đóng thuế của Công ty. Ban đầu, H thuê nhà 144 Nguyễn Chí T1 từ vợ chồng ông X và bà M làm trụ sở; 03 người có ý định kinh doanh về suất ăn trường học nên thống nhất để ông X và bà M đứng tên cổ đông. Nhưng sau đó, không kinh doanh về suất ăn trường học mà chỉ có bà H kinh doanh về văn phòng phẩm; không làm lại thủ tục pháp lý của công ty, vợ chồng ông X không biết, không tham gia gì vào hoạt động kinh doanh và không hưởng lợi gì từ công ty. Đến năm 2010, bà H không thuê nhà 144 Nguyễn Chí T1 nữa nên các bên có thống nhất đăng ký thay đổi doanh nghiệp và bỏ tên vợ chồng ông X ra. Sau đó, thấy Giấy chứng nhận mới không có tên cổ đông nên bà H nghĩ là đã bỏ ra.

Năm 2022, có người tên T2 (chưa xác định được nhân thân lai lịch) đến công ty gặp H, giới thiệu là nhân viên tiếp thị bán giấy A3, A4 rồi giới thiệu H mua hóa đơn bất hợp pháp để kê khai thuế. H muốn có hóa đơn để kê khai thuế và giảm số tiền phải đóng thuế nên đồng ý mua. H đã mua 41 tờ hóa đơn GTGT của Công ty H1 và 26 tờ hóa đơn của Công ty Q2 để sử dụng kê khai thuế cho doanh nghiệp. Việc mua bán hóa đơn thực hiện trực tiếp, chi phí mua từ 8% đến 10% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn, mỗi hóa đơn có giá trị dưới 20.000.000 đồng để không phải thanh toán qua ngân hàng, tránh sự kiểm soát của cơ quan chức năng. H hoàn toàn không biết lãnh đạo Công ty H1 và L. Sau khi mua hóa đơn, H giao lại cho kế toán là Nguyễn Thị B (sinh năm: 1971; trú: 247 L, tổ I, P. T, Q. S, TP.) để thực hiện việc kê khai thuế. Bà chỉ kê khai dựa trên hóa đơn, chứng từ mà bà H cung cấp, B không biết đó là hóa đơn khống. B không biết việc H mua hóa đơn khống, cụ thể:

- Ngày 27/7/2022, Công ty T3 sử dụng 41 hóa đơn khống của Công ty H1 với tổng số tiền trước thuế là 664.180.000 đồng, thuế GTGT là 66.418.000 đồng để kê khai thuế Quý 2/2022.

- Ngày 27/10/2022, Công ty T3 sử dụng 07 hóa đơn khống của Công ty Q2 với tổng số tiền trước thuế là 125.010.000 đồng, thuế GTGT là 12.501.000 đồng để kê khai thuế Quý 3/2022.

- Ngày 18/01/2023, Công ty T3 sử dụng 19 hóa đơn khống của Công ty Q2 với tổng số tiền trước thuế là 318.575.000 đồng, thuế GTGT 31.857.500 đồng để kê khai thuế Quý 4/2022.

Ngày 26/07/2023 Cơ quan CSĐT Công an Q1, thành phố Hồ Chí Minh triệu tập H đến làm việc về nội dung liên quan đến 41 tờ hóa đơn do Công ty H1 xuất khống cho Công ty T3.

Vật chứng thu giữ:

- Hồ sơ về thông tin đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần T3 và sách N.B.S do Sở K cung cấp.

- Hồ sơ về thông tin khai thuế năm 2022 của Công ty Cổ phần T3 và sách N.B.S gồm: Danh sách hóa đơn điện tử năm 2022, Tờ khai thuế giá trị gia tăng, Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của từng quý và cả năm 2022.

- Danh sách 41 tờ hóa đơn Công ty Cổ phần T3 và sách N đã mua của Công ty TNHH H1.

Theo Kết luận giám định ngày 27/5/2024 của Chi cục T4 về các nội dung theo Quyết định trưng cầu giám định số 300/QĐ-CQĐT-KT ngày 08/3/2024 của Cơ quan CSĐT Công an Q: Đối với hành vi sử dụng 41 tờ hóa đơn khống của Công ty H1 và 26 tờ hóa đơn khống của Công ty Q2: Công ty T3 có hành vi sử dụng hóa đơn, chứng từ của tổ chức, cá nhân khác để hợp thức hóa hàng hóa, dịch vụ mua vào theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; vi phạm tại khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 về hành vi trốn thuế (sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp) với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào (chưa thuế GTGT) là 1.107.765.000 đồng, thuế GTGT là 110.776.500 đồng. Công ty T3 đã trốn thuế với tổng số tiền là: 332.329.500 đồng, trong đó thuế GTGT là 110.776.500 đồng; thuế TNDN là: 221.553.000 đồng.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2026/HS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã quyết định:

I. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Phan Thị Thiên H phạm tội “Trốn thuế” và “Mua bán trái phép hóa đơn”.

II. Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Phan Thị Thiên H** 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trốn thuế*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Phan Thị Thiên H** 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Huỳnh Phan Thị Thiên H** phải chấp hành là 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 10/02/2026, bị cáo **Huỳnh Phan Thị Thiên H** có đơn kháng cáo xin được phạt tiền.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm:* Bị cáo **Huỳnh Phan Thị Thiên H** thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như bản án sơ thẩm đã kết luận và giữ nguyên kháng cáo.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo **Huỳnh Phan Thị Thiên H** có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Xét Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2026/HS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã xét xử bị cáo **Huỳnh Phan Thị Thiên H** về tội “*Trốn thuế*” theo điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự và “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ về điều kiện, hoàn cảnh gia đình cũng như về nhân thân bị cáo và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt 18 tháng tù đối với hai tội danh là phù hợp. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm các chứng cứ thể hiện bị cáo đã nộp xong khoản tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm với tổng số tiền là 30.200.000đồng; Có thư cảm ơn của **Chi cục Thuế quận H** (cũ) về sự đóng góp thuế trong năm 2023 là những tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm giảm cho bị cáo 03 tháng tù đối với tội “*Trốn thuế*” là phù hợp; riêng về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” giữ nguyên mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Huỳnh Phan Thị Thiên H** thừa nhận với vai trò là Giám đốc **Công ty Cổ phần T3** và sách N.B.S, trong năm 2022 bị cáo đã có hành vi mua và sử dụng 41 tờ hóa đơn khống của **Công ty H1**, 26 tờ hóa đơn khống của **Công ty Q2**. Sau đó, bị cáo đã sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp này để hạch

toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động kinh doanh phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp, kê khai thuế cho Q 2, 3, 4 năm 2022. Trốn thuế với tổng số tiền là 332.329.500 đồng. Trong đó thuế GTGT là 110.776.500 đồng; thuế TNDN là 221.553.000 đồng.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2026/HS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử bị cáo **Huỳnh Phan Thị Thiên H** về hai tội danh “Trốn thuế” và “Mua bán trái phép hóa đơn” theo tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự và điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo **Huỳnh Phan Thị Thiên H**, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo **H** là người có đầy đủ nhận thức và chịu trách nhiệm trước các hành vi của mình, nhưng muốn có lợi nhuận nên bị cáo đã có hành vi mua và sử dụng 41 hóa đơn khống để hợp thức hoá hàng hoá, dịch vụ mua bán kê khai trốn thuế với tổng số tiền là 332.329.500 đồng. Hành vi của bị cáo có tính chất nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý thuế, gây thất thu ngân sách Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế nên cần xử lý nghiêm để răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng, phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng và xử phạt bị cáo mức hình phạt 18 tháng tù, đồng thời cách ly bị cáo ra ngoài xã hội để cải tạo, răn đe, giáo dục phòng ngừa là cần thiết. Tuy nhiên, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo bổ sung tình tiết mới như đã nộp xong khoản tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm với tổng số tiền là 30.200.000 đồng; Có thư cảm ơn của **Chi cục Thuế quận H** (cũ) về sự đóng góp thuế trong năm 2023 và hiện tại bản thân bị cáo đang điều trị Ung thư vú giai đoạn 3. Nhằm thể hiện tính nhân văn, nhân đạo và khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm cho bị cáo một phần hình phạt đối với tội danh “Trốn thuế” như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được phạt tiền đối với 02 tội danh theo kháng cáo của bị cáo.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo của bị cáo **Huỳnh Phan Thị Thiên H** được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Huỳnh Phan Thị Thiên H; Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 31/2026/HS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Phan Thị Thiên H 03 (ba) tháng tù về tội “Trốn thuế”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Phan Thị Thiên H 12 (mười hai) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Huỳnh Phan Thị Thiên H phải chấp hành là 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Huỳnh Phan Thị Thiên H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HS nghiệp vụ - CATP Đà Nẵng;
- THADS Tp Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 1;
- VKSND khu vực 1;
- Tòa án nhân dân khu vực 1;
- Vụ GDKT I - TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoài Sơn